



完成句子或对话

Hoàn thành câu/
đoạn đối thoại sau
(dùng từ gợi ý trong ngoặc)

1. 每个人都对小时候有美好的回忆，
_____。(想起来)

2. _____，去西边的
公共汽车应该在对面坐。_____。(弄)

3. 这个箱子里都是杯子和盘子，
_____。(千万)

4. 记者总是需要到处调查，
_____。(来)

5. _____，我们还是坐
地铁吧。_____。(左右)